

Số: 21/2019/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<http://quangbinhjsc.com.vn/news/397-bao-cao-tai-chinh-rieng-quy-iii-nam-2019>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2019
- Công văn giải trình



PHẠM THỊ NGỌC NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	08-27



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.051.929.841.484	895.883.571.797
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.032.020.980	23.649.265.677
1. Tiền	111		6.032.020.980	23.649.265.677
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.017.687.094.938	832.455.973.290
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	856.183.483.943	724.357.490.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	168.191.305.998	106.988.960.644
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.120.239.660	18.005.275.704
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.807.934.663)	(16.895.753.291)
IV. Hàng tồn kho	140	10	16.636.713.051	21.539.387.746
1. Hàng tồn kho	141		16.636.713.051	21.539.387.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.574.012.515	8.238.945.084
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	97.055.166	8.238.945.084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.476.918.818	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	38.531	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		764.910.944.047	1.021.191.820.076
II. Tài sản cố định	220		98.473.466.727	222.897.215.016
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.071.816.727	140.495.565.016
- Nguyên giá	222		21.684.996.313	160.596.588.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.613.179.586)	(20.101.023.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82.401.650.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	868.862.182	2.993.965.222
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		868.862.182	2.993.965.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	665.470.515.677	506.202.713.257
1. Đầu tư vào công ty con	251		442.800.000.000	198.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		105.881.626.363	105.881.626.363
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		233.503.969.597	234.503.969.597
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(116.715.080,283)	(32.182.882.703)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		98.099.461	289.097.926.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	98.099.461	289.097.926.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.816.840.785.531	1.917.075.391.873

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.063.135.951.917	1.051.343.574.160
I. Nợ ngắn hạn	310		904.633.235.356	761.739.774.160
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	376.663.319.059	191.463.928.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	209.046.481.346	179.660.465.890
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	42.524.462	2.879.779.603
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		70.786.352	119.395.184
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	311.033.900.000	382.667.440.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		158.502.716.561	289.603.800.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	158.502.716.561	289.603.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		753.704.833.614	865.731.817.713
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	753.704.833.614	865.731.817.713
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.962.204.317	165.919.716.313
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		157.023.924.476	109.294.735.617
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(109.061.720.159)	56.624.980.696
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.816.840.785.531	1.917.075.391.873

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2019		Từ 01/01/2019		Từ 01/01/2018	
			đến 30/09/2019	VND	đến 30/09/2019	VND	đến 30/09/2018	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	159.241.957.456	940.481.187.044	404.886.058.247	1.651.504.127.178		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-		
- Chiết khấu thương mại			-	-	-	-		
- Hàng bán bị trả lại			-	-	-	-		
- Giảm giá hàng bán			-	-	-	-		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		159.241.957.456	940.481.187.044	404.886.058.247	1.651.504.127.178		
4. Giá vốn hàng bán	11	21	159.049.869.156	933.237.278.220	402.830.483.076	1.578.084.413.399		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		192.088.300	7.243.908.824	2.055.575.171	73.419.713.779		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	671.564.234	10.003.892.733	6.617.033.529	10.937.893.549		
7. Chi phí tài chính	22	23	53.213.654.702	121.125.851.075	(46.138.262.378)	(16.528.837.975)		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.197.314.477	25.412.259.072	19.678.344.468	52.086.333.558		
8. Chi phí bán hàng	25		1.549.587.719	1.637.462.355	1.830.595.969	14.752.835.066		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.798.817.608	4.069.720.948	25.478.333.522	30.572.594.150		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(55.698.407.495)	(109.585.232.821)	27.501.941.587	55.561.016.087		

492

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2019		Từ 01/01/2019		Từ 01/07/2018		Từ 01/01/2018	
			đến 30/09/2019	VND	đến 30/09/2019	VND	đến 30/09/2018	VND	đến 30/09/2018	VND
11. Thu nhập khác	31		1.641.620.014		1.675.013.709		5.750.449		552.246.819	
12. Chi phí khác	32		8.000.000		1.151.501.047		29.953.074		159.783.966	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.633.620.014		523.512.662		(24.202.625)		392.462.853	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(54.064.787.481)		(109.061.720.159)		27.477.738.962		55.953.478.940	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-		-		4.409.097.843		10.116.208.271	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		-		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(54.064.787.481)		(109.061.720.159)		23.068.641.119		45.837.270.669	

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/09/2019	đến 30/09/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(109.061.720.159)	55.953.478.940
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.880.889.099	15.725.874.609
- Các khoản dự phòng	03		79.444.378.952	(55.253.917.208)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		7.629.701.812	(6.820.946.524)
- Chi phí lãi vay	06		24.214.944.595	52.086.333.558
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.108.194.299	61.690.823.375
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(181.765.657.882)	31.934.715.985
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.902.674.695	34.135.928.197
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		214.509.533.180	(28.037.132.426)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.918.241.656	(3.566.437.656)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.214.944.595)	(52.791.955.453)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.810.029.455)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.648.011.898	43.365.942.022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.859.239.072)	(9.060.969.382)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.155.982.640	3.245.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(630.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.499.713.247
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.920.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		188.100.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.622.623.276	7.569.515.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		160.469.366.844	14.254.077.399
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		10.228.999.886	168.131.600.618
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(212.963.623.325)	(271.544.922.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(202.734.623.439)	(103.413.322.311)



Handwritten signature or mark.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.617.244.697)	(45.793.302.890)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.649.265.677	64.283.124.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>6.032.020.980</u>	<u>18.489.821.940</u>

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

0073
CÔNG
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH
HẢI PHÒNG - TP. HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ
Văn phòng đại diện Móng Cái	Quảng Ninh	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



Handwritten signature or initials in blue ink.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phát sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phát sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



Handwritten signature or initials.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



4/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.032.241.854	1.011.050.468
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.999.779.126	22.638.215.209
	6.032.020.980	23.649.265.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	442.800.000.000	428.801.119.977	198.000.000.000	198.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát			198.000.000.000	198.000.000.000
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	10.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	432.000.000.000	428.801.119.977	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	85.511.700.000	105.881.626.363	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	85.511.700.000	105.881.626.363	85.511.700.000
Đầu tư vào đơn vị khác	233.503.969.597	151.157.695.700	234.503.969.597	222.691.013.257
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD			1.000.000.000	608.885.557
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	151.157.695.700	233.503.969.597	222.082.127.700
	782.185.595.960	665.470.515.677	538.385.595.960	506.202.713.257
			(116.715.080.283)	(32.182.882.703)

HẢI PHÒNG
NH
KHẨU
AN
TY
30878

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2019 như sau:				
Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất

Hà Nội

36,29%

36,29%

Kinh doanh thương mại các sản phẩm phân
bón và hóa chất sản xuất phân bón*Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 28.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	98.307.839.272	96.304.016.189
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.575.714.588	141.040.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	282.001.099.004	183.984.157.749
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	403.114.949.791	192.700.798.791
Công ty SW Intertrade Trading	-	51.950.867.729
Các khoản phải thu khách hàng khác	25.183.881.288	58.376.735.187
	856.183.483.943	724.357.490.233

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	76.627.633.691	-	64.765.883.691	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Phân bón Lào Cai	72.018.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và TM Dịch vụ Việt Đức	-	-	13.261.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(2.232.912.956)	4.540.241.712	(2.270.120.856)
Trả trước khác	15.079.846.395	-	24.421.835.241	-
	168.191.305.998	(2.232.912.956)	106.988.960.644	(2.270.120.856)

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	291.863.014	-	437.299.058	-
Ký cược, ký quỹ	4.665.000.000	-	17.335.000.000	-
Phải thu khác	163.376.646	-	232.976.646	-
	5.120.239.660	-	18.005.275.704	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.800.000	-	-	-
Hàng hoá	16.634.913.051	-	21.539.387.746	-
	16.636.713.051	-	21.539.387.746	-

11 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	868.862.182	2.993.965.222
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho ngoại quan Đình Vũ	-	2.125.103.040
	868.862.182	2.993.965.222

020
CỔ
CỔ
ẤT NH
QUẢN
BẢNG

ML

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2019	137.594.892.833	795.705.721	20.275.782.571	1.930.207.567	-	-	160.596.588.692					
Mua sắm	-	-	14.059.497.072	105.620.000	-	-	14.165.117.072					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.167.670.040	-	-	-	-	-	8.167.670.040					
Thanh lý, nhượng bán	(117.500.000)	-	(6.477.273.090)	(58.500.000)	-	-	(6.653.273.090)					
Góp vốn đầu tư vào công ty con	(134.316.173.337)	(398.432.948)	(18.730.293.373)	(1.146.206.743)	-	-	(154.591.106.401)					
Tại ngày 30/09/2019	11.328.889.536	397.272.773	9.127.713.180	831.120.824	-	-	21.684.996.313					
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2019	13.084.949.962	425.303.873	5.879.646.961	711.122.880	-	-	20.101.023.676					
Trích khấu hao	5.106.190.583	23.102.600	1.598.987.721	152.608.195	-	-	6.880.889.099					
Thanh lý, nhượng bán	(12.520.828)	-	(2.260.208.703)	(17.671.875)	-	-	(2.290.401.406)					
Góp vốn đầu tư vào công ty con	(15.961.570.831)	(51.133.700)	(2.809.663.180)	(255.964.072)	-	-	(19.078.331.783)					
Tại ngày 30/09/2019	2.217.048.886	397.272.773	2.408.762.799	590.095.128	-	-	5.613.179.586					
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2019	124.509.942.871	370.401.848	14.396.135.610	1.219.084.687	-	-	140.495.565.016					
Tại ngày 30/09/2019	9.111.840.650	-	6.718.950.381	241.025.696	-	-	16.071.816.727					

0730
NG T
PHÂN
LẬP K
G BÌN
19.H

myl

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	69.788.679	1.283.721.433	1.353.510.112	-	-
Thuế Giá trị gia tăng hàng Nhập khẩu	-	-	152.966.778	152.966.778	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	574.039.112	574.039.112	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.809.990.924	-	2.810.029.455	38.531	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	97.352.462	54.828.000	-	42.524.462
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	459.229.440	459.229.440	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	516.868.000	516.868.000	-	-
	-	2.879.779.603	3.084.177.225	5.921.470.897	38.531	42.524.462

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/09/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyên	140.000.000.000	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	149.420.000.000	149.420.000.000	-	-	149.420.000.000	149.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Hải Phòng ⁽⁸⁾	183.800.000	183.800.000	-	-	183.800.000	183.800.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng			9.508.999.886	610.083.325	8.898.916.561	8.898.916.561
	289.978.440.000	289.978.440.000	9.508.999.886	140.610.083.325	158.502.716.561	158.502.716.561

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019					
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	165.919.716.313	865.731.817.713
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(109.061.720.159)	(109.061.720.159)
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.930.527.897	(8.895.791.837)	(2.965.263.940)
Tại ngày 30/09/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	47.962.204.317	753.704.833.614

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-DHCD ngày 20 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	59.305.278.974
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.930.527.897
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	2.965.263.940
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	50.409.487.155



4/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/09/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000
	100%	693.299.280.000	100%	693.299.280.000

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	3.245.818.182
Doanh thu bán hàng hóa	156.919.719.756	398.756.460.778
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.322.237.700	2.883.779.287
	159.241.957.456	404.886.058.247

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	155.954.345.251	1.497.126.930
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	381.759.777.526
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.095.523.905	16.309.578.620
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã	-	3.264.000.000
	159.049.869.156	402.830.483.076

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019 VND	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	164.105.252	791.397.749
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	493.390.342	20.052.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.479.121.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.068.640	326.462.530
	671.564.234	6.617.033.529

3200
CÔNG
CỔ PH
NHÀ
HÀNG H
ANG-TP

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.197.314.477	19.678.344.468
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.014.832.517
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	9.900.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	742.689.520	3.083.745.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	667.650.102	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	40.706.000.603	(69.915.184.723)
Chi phí tài chính khác	-	-
	53.213.654.702	(46.138.262.378)

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	52.998.997	57.176.297
Chi phí nhân công	1.903.100.583	837.907.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.941.436	7.373.093.397
Thuế, phí, lệ phí	-	292.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(3.849.304.830)	14.661.267.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	477.735.328	2.222.237.593
Chi phí khác bằng tiền	2.925.346.094	326.359.377
	1.798.817.608	25.478.333.522

30878
 3 TY
 IAN
 KHẨU
 INH
 HẢI PHÒNG

4/2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019 đã được lập bởi Công ty.



Bùi Thái Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019



4/2

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý III/2019 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 30/10/2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD của Công ty lỗ 54.067 tỷ đồng, giảm 77.133 tỷ đồng so với quý III/2018. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý III/2019 của Công ty đạt 159.242 tỷ đồng, giảm 245.644 tỷ đồng tương ứng giảm 60.67% so với quý III/2018. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 5.945 tỷ đồng so với quý III/2018. Thu nhập khác giảm 1.635 tỷ đồng so với quý III/2018.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 243.78 tỷ đồng, tương ứng giảm 60.52% so với Quý III/2018. Chi phí tài chính tăng 99.352 tỷ đồng tương ứng tăng 215.34% so với quý III/2018 do trong quý III/2019 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM, Công ty CP cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và Công ty CP Transworld QBV ICD. Chi phí khác giảm 0.021 tỷ so với quý III/2018. Lợi nhuận khác tăng 1.657 tỷ đồng.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý III/2019 giảm 77.133 tỷ đồng tương ứng giảm 334.36% so với quý III/2018.



Handwritten signature or initials.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý III/2019 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Hương

